

Số: /2024/NQ-HĐND Thái Bình, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Ban hành quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH
KHÓA...KỲ HỌP THỨ...**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Dân quân tự vệ ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 72/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Dân quân tự vệ về tổ chức xây dựng lực lượng và chế độ, chính sách đối với dân quân tự vệ;

Căn cứ Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố;

Căn cứ Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11 tháng 5 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản;

Xét Tờ trình số.../TTr-UBND ngày .../.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị phê duyệt ban hành Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình; Báo cáo thẩm tra số /BC-BPC ngày tháng năm

2024 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình Khóa XVI Kỳ họp thứ ...thông qua ngày tháng ... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 2024.

Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Cục kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực Huyện ủy, Thành ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Báo Thái Bình, Công báo tỉnh, Cổng Thông tin điện tử Thái Bình;
- Lưu: VTVP.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Tiến Thành

QUY ĐỊNH

Chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình

(Kèm theo Nghị quyết số /2024/NQ-HĐND ngày tháng năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã.
- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố.
- Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.
- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Chương II

NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN TRÁCH Ở CẤP XÃ, Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 3. Chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

- Chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có 14 chức danh, gồm:

- Phó Trưởng ban Tuyên giáo trực tiếp làm báo cáo viên;
- Phó Chủ nhiệm Ủy ban kiểm tra Đảng;
- Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Phó Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam;

đ) Phó Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam (ở nơi có hoạt động nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và có tổ chức Hội Nông dân);

- e) Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh Việt Nam;
- g) Phó Bí thư Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh;
- h) Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ;
- i) Chủ tịch Hội Người cao tuổi;
- k) Phó Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự;
- l) Văn phòng Đảng ủy;
- m) Trưởng Đài truyền thanh;
- n) Nhân viên Đài truyền thanh;
- o) Trưởng ban Chăn nuôi - Thú y.

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

a) Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã có trình độ đào tạo về chuyên môn từ trung cấp trở lên

- Người có trình độ từ đại học trở lên hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2.500.000 đồng;

- Người có trình độ cao đẳng hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2.300.000 đồng;

- Người có trình độ trung cấp hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2.100.000 đồng.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được bố trí công tác trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà chưa đáp ứng tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 36 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/6/2023 quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố thì được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1.800.000 đồng, áp dụng đến hết ngày 31/7/2028 theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã

Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã được tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm y tế theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế.

4. Chế độ, chính sách khác

Chế độ, chính sách khác của người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

1. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố có 03 chức danh, bao gồm: Bí thư Chi bộ thôn/tổ dân phố; Trưởng thôn/Tổ trưởng tổ dân phố; Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố.

2. Mức phụ cấp hàng tháng đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã

- Bí thư chi bộ thôn/tổ dân phố, trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố: hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2.300.000 đồng;

- Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố: hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1.300.000 đồng;

b) Đối với thôn có dưới 350 hộ gia đình, tổ dân phố có dưới 500 hộ gia đình.

- Bí thư chi bộ thôn/tổ dân phố, trưởng thôn/tổ trưởng tổ dân phố: hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2.000.000 đồng;

- Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn/tổ dân phố: hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1.000.000 đồng.

3. Chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố

a) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố không thuộc đối tượng tham gia đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc.

b) Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được tính bằng với tỷ lệ hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của pháp luật hiện hành.

4. Chế độ mai táng phí

Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố (trừ những trường hợp đã được hưởng chế độ mai táng phí theo quy định của pháp luật) nếu từ trần khi đang đảm nhiệm chức danh không chuyên trách thì người lo mai táng được trợ cấp mai táng bằng 9.000.000 đồng.

5. Chế độ, chính sách khác

Chế độ, chính sách khác của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành.

Chương III

NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA HOẠT ĐỘNG Ở THÔN, TỔ DÂN PHỐ

Điều 5. Mức hỗ trợ hàng tháng và chế độ hỗ trợ bảo hiểm y tế đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố

1. Mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn tổ dân phố

a) Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố:

- Đối với thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên, tổ dân phố có từ 500 hộ gia đình trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền, thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên chuyển thành tổ dân phố do thành lập đơn vị hành chính đô thị cấp xã: được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1.600.000 đồng;

- Đối với thôn có dưới 350 hộ gia đình, tổ dân phố có dưới 500 hộ gia đình: được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 1.300.000 đồng.

b) Thôn đội trưởng: được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 900.000 đồng.

c) Nhân viên y tế thôn: Thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 75/2009/QĐ-TTg ngày 11/5/2009 của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với nhân viên y tế thôn, bản.

2. Chế độ hỗ trợ bảo hiểm y tế

Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế. Mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người trực tiếp hoạt động ở thôn, tổ dân phố được tính bằng với tỷ lệ hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Chế độ, chính sách khác

Chế độ, chính sách khác của người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố thực hiện theo quy định tại văn bản pháp luật chuyên ngành (nếu có).

Chương IV

CHẾ ĐỘ KIÊM NHIỆM CHỨC DANH

Điều 6. Chế độ kiêm nhiệm

1. Cán bộ, công chức cấp xã được kiêm nhiệm 01 chức danh người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố (nếu có) và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của chức danh kiêm nhiệm.

2. Người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người hoạt động không chuyên trách khác

ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp quy định của mỗi chức danh kiêm nhiệm.

3. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố được kiêm nhiệm không quá 02 chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này và được hưởng phụ cấp kiêm nhiệm bằng 70% mức phụ cấp quy định của mỗi chức danh kiêm nhiệm.

4. Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố đã kiêm nhiệm 02 chức danh người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều 5 của Quy định này thì không bố trí kiêm nhiệm thêm chức danh người hoạt động không chuyên trách khác ở thôn, tổ dân phố.

5. Trưởng Ban công tác Mặt trận thôn, tổ dân phố do Bí thư Chi bộ thôn, tổ dân phố kiêm nhiệm; chức danh Thôn đội trưởng do Trưởng thôn kiêm nhiệm. (Trường hợp Trưởng thôn không đủ điều kiện, tiêu chuẩn kiêm nhiệm Thôn đội trưởng thì không bố trí kiêm nhiệm).

6. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh không dùng để tính đóng, hưởng bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế./.

Điều 7. Điều khoản chuyển tiếp

1. Việc bố trí số lượng đối với các chức danh: người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã quy định tại Khoản 1 Điều 3; **Phó trưởng thôn, Tổ phó tổ dân phố được quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 4; thôn đội trưởng quy định tại Khoản 4 Điều 6 và nhân viên y tế thôn** quy định tại Khoản 5 Điều 6 của Quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi có quy định mới về bố trí số lượng các chức danh nêu trên.

2. Việc bố trí số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với thành viên Ban bảo vệ dân phố, tổ bảo vệ dân phố, Công an viên thôn **quy định** tại Điều 6, Điều 7 của Quy định số lượng, chức danh, chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố và những đối tượng khác hưởng phụ cấp theo quy định pháp luật chuyên ngành công tác ở xã, phường, thị trấn, ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Thái Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân **tỉnh** tiếp tục có hiệu lực thi hành cho đến khi có quy định mới về **số lượng**, chức danh, tiêu chí và mức hỗ trợ đối với đối tượng **này** theo quy định pháp luật chuyên ngành.
